TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-PT
Ngày 15-12-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Anh Ửng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 200/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim A, địa chỉ: Khối A, thị trấn K, huyện R, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, địa chỉ: Công ty TNHH T, đường L, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Văn phòng luật sư Nguyễn Thiên H, thôn D, xã K, huyện G, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Hoàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Ngày 15-3-2012 và 15-6-2013, bà Đinh Thị Kim A cho chị Hoàng Thị H vay 45.000.000 đồng và 30.000.000 đồng, hai bên có lập giấy nợ viết tay, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ, chỉ thỏa thuận khi nào bà Kim A yêu cầu thì chị H phải trả nợ. Ngày 28-01-2014, bà Kim A cho chị H vay 25.000.000

đồng, lập giấy nợ viết tay, không thỏa thuận về lãi suất, thỏa thuận về thời hạn trả nợ ngày 28-6-2014. Ngày 11-12-2016 âm lịch (ngày 08-01-2017 dương lịch), bà Kim A cho chị H vay 30.000.000 đồng, viết giấy nợ viết tay không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 02 ngày kể từ ngày vay. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, bà Kim A yêu cầu chị H phải trả nợ 04 lần vay với tổng số tiền 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu sổ sách, bà Kim A xác định chị H chỉ còn nợ 60.000.000 đồng nên yêu cầu chị H trả số tiền này.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Chị H thừa nhận nợ bà Kim A nhiều lần, sau đó chốt nợ số tiền là 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 15-5-2017, chị H và bà Kim A đã thỏa thuận cấn trừ số tiền nợ bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất của chị H đang sử dụng tại thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông với giá 230.000.000 đồng, đặt cọc trước số tiền 140.000.000 đồng nhưng thực tế không có việc đặt cọc mà cấn trừ số tiền chị H nợ, bà Kim A cam kết hủy bỏ các giấy vay nợ trước đây. Chị H thừa nhận số tiền 60.000.000 đồng bà Kim A khởi kiện nằm trong tổng số tiền 140.000.000 đồng chị H vay nhưng được cấn trừ để đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Song, bà Kim A vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên mất tiền cọc, chị H không đồng ý trả nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06-01-2023 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 155; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A, buộc bị đơn chị Hoàng Thị H phải trả cho bà Đinh Thị Kim A số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 20-02-2023, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông nhận được đơn kháng cáo của bị đơn chị H đề ngày 17-02-2023 với nội dung: Chị H cho rằng bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; đánh giá chứng cứ không đúng thực tế, chị H không nợ bà Kim A số tiền 60.000.000 đồng nên chị H không đồng ý trả nợ; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H.

Tại phiên toà phúc thẩm, chị H thừa nhận có vay tiền của bà Kim A nhiều lần nhưng chị H đã trả hết theo giấy đặt cọc tiền của bà Kim A tại bút lục số 92 trong hồ sơ vụ án, giấy này do chị H cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm; Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bà Kim A tiếp cận, đọc nội dung và bà Kim A thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy là do bà viết và ký tên. Tuy nhiên, bà Kim A cho rằng nội dung giấy này không liên quan đến số tiền chị H đang còn nợ bà và đề nghị bác kháng cáo của chị H; đồng thời, bà Kim A đồng ý xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Bà Kim A khởi kiện yêu cầu chị H trả lại số tiền 60.000.000 đồng còn nợ theo các giấy biên nhận vay tiền ngày

15-6-2013, 28-01-2014 và 11-12-2016 (âm lịch); chị H thừa nhận số tiền này (lời khai ngày 29-10-2018, bút lục số 41) nên đây là nội dung không cần phải chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cho rằng tiền nợ đã được khấu trừ vào tiền bà Kim A đặt cọc cho chị H theo giấy xác nhận ngày 18-4-2017. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ban đầu bà Kim A yêu cầu chị H trả lại số tiền đặt cọc 140.000.000 đồng và tiền phạt cọc, sau đó bà Kim A đã rút nội dung này và chị H không có ý kiến gì, không có yêu cầu phản tố. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xác định quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản buộc chị H trả cho bà Kim A số tiền 60.000.000 đồng theo nội dung vay mượn mà không xem xét hợp đồng đặt cọc giữa bà Kim A và chị H là đúng quy định pháp luật. Chị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc chị H trả cho bà Kim A số tiền 60.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về đơn kháng cáo: Bản án sơ thẩm xét xử ngày 06-01-2023, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt; ngày 10-02-2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhận được bản án sơ thẩm (bút lục 310); ngày 17-02-2023, bị đơn gửi đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông là trong thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật; bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, thuộc trường hợp Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông thuộc trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông thụ lý, giải quyết.

[3]. Về nội dung vụ án: Đối với số tiền 60.000.000 đồng theo các biên nhận vay tiền ngày 15-6-2013, 28-01-2014 và 11-12-2016 (âm lịch) mà bà Kim A đang có khiếu kiện yêu cầu chị H trả lại, chị H thừa nhận có vay số tiền này của bà Kim A, nhưng chị H cho rằng số tiền này đã được cấn trừ vào tiền bà Kim A đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ chị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tại giấy đề ngày 18-4-2017 (bút lục số 92) thể hiện nội dung *"...Tôi tên Đinh Thị Kim A, cư trú K2, K, R số tiền đặt cọc 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu đồng) đặt cọc mua đất và nhà của cô H. Trừ vào số tiền cô H mượn tôi có giấy tờ của cô H viết cho tôi và tôi sẽ hủy giấy cô H viết năm trước vào ngày 30/4/2017 có cô H chứng kiến..."*, tại phiên tòa phúc thẩm bà Kim A đã đọc nội dung này và xác nhận đúng chữ viết và chữ ký của bà. Như vậy, theo tài liệu bà Kim A giao nộp thì các giấy vay tiền đều trước ngày 30-4-2017 nên yêu cầu khởi kiện của bà Kim A không có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim A.

[4]. Về án phí: Đối với án phí sơ thẩm cần sửa lại đúng quy định pháp luật; đối với án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho chị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật để từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 06-01-2023 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông:

1.1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 155; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A về việc yêu cầu bị đơn chị Hoàng Thị H phải trả cho bà Đinh Thị Kim A số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

1.2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Đinh Thị Kim A phải chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 6.750.000đ (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo Biên lai số: 0002988 ngày 31-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đăk Nông, trả lại cho bà Đinh Thị Kim A 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Trả lại cho bị đơn chị Hoàng Thị H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số: 0002547 ngày 13-03-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đăk Nông.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật để từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh Đăk Nông (1);
- TAND huyện Tuy Đức (1);
- Chi cục THADS huyện T (1);
- Đương sự (4);
- Lưu: Tổ HCTP (1), TDS (1), HSVA (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương